|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*Bắc Giang, ngày …..tháng ….. năm 2020*

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DỊCH VỤ CÔNG VỀ ĐẤT ĐAI**

1. **Thông tin chung về học phần**

- Mã học phần: QLD2048

- Số tín chỉ: 02

* + - Loại học phần: Tự chọn

- Các học phần tiên quyết: Luật và chính sách đất đai

- Các học phần song hành: Không

- Các yêu cầu với học phần (nếu có): Không

- Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai - Khoa Tài nguyên và Môi trường.

* + Số tiết quy định đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết + Hoạt động theo nhóm: … giờ

\* Thảo luận: 15tiết + Tự học: 90 giờ

\* Làm bài tập: … tiết + Tự học có hướng dẫn:….giờ

+ Thực hành, thí nghiệm: giờ \* Bài tập lớn (tiểu luận):….giờ

1. **Thông tin chung về các giảng viên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | Th.S Lê Thị Hương Thúy | 0977245100 | lehuongthuybn@gmail.com |  |
| 2 | Th.S Phạm Quốc Thăng |  | thangpq.bafu.edu.vn |  |

1. **Mục tiêu của học phần**

- Yêu cầu về kiến thức: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản dịch vụ công nói chung và dịch vụ công về đất đai nói riêng, các hoạt động dịch vụ công về đất đai và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thực hiện dịch vụ công về đất đai.

- Yêu cầu về kỹ năng:

+ Có kỹ năng thực hiện các quy trình cung cấp các dịch vụ công: lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xác định giá đất, điều tra, đánh giá đất đai, xây dựng hệ thống thông tin đất đai.

+ Có khả năng khai thác thông tin đất đai phục vụ hoạt động dịch vụ công.

- Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp:

+ Chấp hành đúng qui định pháp luật trong công tác quản lý các hoạt động dịch vụ công.

+ Sinh viên cần có thái độ chăm chỉ, chủ động, có đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật cao.

*Ghi chú: Mục tiêu của học phần được thể hiện tại Phụ lục 2.*

1. **Chuẩn đầu ra của học phần (LO – Learning Outcomes)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã CĐR** | **Mô tả CĐR học phần** |
| ***1*** | ***Chuẩn đầu ra về kiến thức*** | |
| LO.1.1 | Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, nội dung công cụ quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công, các phương thức cung ứng dịch vụ công. |
|  | LO.1.2 | Nắm được khái niệm, đặc trưng, nguyên tác, cách thức tổ chức hoạt động, và phương thức khai thác dịch vụ công về đất đai |
|  | LO.1.3 | Hiểu được nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan đơn vị có chức năng tổ chức cách hoạt động dịch vụ công về đất đai. |
| ***2*** | ***Chuẩn đầu ra về kỹ năng*** | |
| LO.2.1 | Hiểu và nắm vững được quy trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; |
| LO.2.2 | Xây dựng phương án điều tra, đánh giá đất đai, xác định giá đất; |
| LO.2.3 | Nắm vững được trình tự, thủ tục kê khai, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. |
| LO.2.4 | Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm |
| ***3*** | ***Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp*** | |
| LO.3.1 | Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan chất lượng các hoạt động dịch vụ công. |
| LO.3.2 | Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm trong quá trình thực hiện các hoạt động dịch vụ công nảy sinh trong thực tiễn một cách hiệu quả. |

*Ghi chú: Mã hóa chuẩn đầu ra học phần, đánh giá mức độ tương thích của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra CTĐT được thể hiện tại Phụ lục 1.*

**5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Dịch vụ công về đất đai là học phần 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về dịch vụ công và tổ chức quản lý các hoạt động cung ứng dịch vụ công; những vấn đề cơ bản về dịch vụ công đất đai (khái niệm, đặc trưng, phân loại ....); Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý hoạt động của các tổ chức dịch vụ công về đất đai. Học phần tiên quyết: Luật và chính sách đất đai.

**6. Mức độ đóng góp của các bài giảng để đạt được chuẩn đầu ra của học phần**

Mức độ đóng góp của mỗi bài giảng được mã hóa theo 3 mức, trong đó:

+ Mức 1: Thấp (**Nhớ:** Bao gồm việc người học có thể nhớ lại các điều đặc biệt hoặc tổng quát, trọn vẹn hoặc một phần các quá trình, các dạng thức, cấu trúc… đã được học. Ở cấp độ này người học cần nhớ lại đúng điều được hỏi đến.)

+ Mức 2: Trung bình (**Hiểu**: Ở cấp độ nhận thức này, người học cần nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ)

+ Mức 3: Cao (**Vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo:** Người học có khả năng chia các nội dung, các thông tin thành những phần nhỏ để có thể chỉ ra các yếu tố, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc của chúng.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài giảng** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | | | | | | | | |
| LO.1.1 | LO.1.2 | LO.1.3 | LO.2.1 | LO.2.2 | LO.2.3 | LO.2.4 | LO.3.1 | LO.3.2 |
| Chương 1 | 2 |  |  | 2 |  |  | 2 | 3 | 3 |
| Chương 2 |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 | 3 | 3 |
| Chương 3 |  |  | 2 |  |  | 2 | 2 | 3 | 3 |

**7. Danh mục tài liệu**

***- Tài liệu học tập chính:***

[1] Nguyễn Khắc Thái Sơn(2007), *Giáo trình Quản lý hành chính nhà nước về đất đai.*, NXB Nông Nghiệp.

[2] Nguyễn Thị Khuy, Hoàng Thị Phương Thảo, Nguyễn Văn Bài, Bùi Thị Then (2019),  *Giáo trình tài chính đất đai, Tài nguyên môi trường và bản đồ Việt Nam*.

[3] Trần Quang Huy (2019), *Giáo trình Luật đất đai,* Công an nhân dân.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1] Nguyễn Ngọc Vinh; Nguyễn Quỳnh Hoa (2014), *Giáo trình thẩm định giá trị bất động sản,* NXB lao động xã hội.

[2] Hồ Thị Lam Trà (2006), *Giáo trình định giá đất,* NXB Nông nghiệp Hà Nội

[3] Phan Thị Thanh Huyền, TS.Phạm Phương Nam, ThS. Ngô Thị Hà, Giáo trình Giao đất, thu hồi đất, NXB Học viện Nông nghiệp.

[4] Quốc Hội (2013), *Luật đất đai*, Hà Nội.

[5] Chu Văn Thỉnh (2020), Quy hoạch sử dụng đất, NXB Tài nguyên Môi trường và bản đồ Việt.

[6] Chính phủ (2011), Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, Hà Nội.

**8. Nhiệm vụ của người học**

**8.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận**

- Dự lớp ≥ 80% tổng số thời lượng của học phần.

- Tích cực, chủ động tham gia thảo luận nhóm.

- Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà được giao trong bài giảng.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

*(Nhiệm vụ của người học được thể hiện tại Phụ lục 3)*

**8.2. Phần thí nghiệm, thực hành:**

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành.

- Kết thúc bài thực hành phải nộp báo cáo đầy đủ.

*(Nhiệm vụ của người học được thể hiện tại Phụ lục 3)*

**9. Phương pháp giảng dạy**

- Phần lý thuyết: Sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, tự học.

- Phần thực hành: Sử dụng Phương pháp giảng dạy thực hành 4 bước, phương pháp làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích, tự học

*(Phương pháp giảng dạy thể hiện tại Phụ lục 3)*

**10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập**

***10.1. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá giúp đạt được và thể hiện, đánh giá được các kết quả học tập của học phần.***

- Phương pháp: Viết, thực hành

- Hình thức: Tự luận, thực hành

*(Phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện tại Phụ lục 4)*

***10.2. Làm rõ thang điểm, tiêu chí đánh giá và mô tả mức đạt được điểm số***

+ Trọng số đánh giá kết quả học tập

**Bảng 1: Trọng số đánh giá kết quả học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm kiểm tra** | **Điểm kiểm tra quá trình** | | | **Điểm thi** |
| Chuyên cần | Bài kiểm tra thường xuyên (2 bài) | Bài thi giữa học phần | Bài thi kết thúc học phần |
| **Trọng số** | 10% | 20% | 20% | 50% |

+ Tiêu chí, hình thức đánh giá kết quả học tập.

**Bảng 2: Kế hoạch đánh giá kết quả học tập**

***Bảng 2.1. Đánh giá chuyên cần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** |
| Điểm danh và thái độ học tập | Thái độ tham dự (2%)  Trong đó:  - Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)  - Khá chú ý, có tham gia (1,5%)  - Có chú ý, ít tham gia (1%)  - Không chú ý, không tham gia (0%) | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  - Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần thì không đánh giá. | 8 |

***Bảng 2.2. Đánh giá bài kiểm tra thường xuyên số 1, số 2 và bài kiểm tra giữa***

***học phần***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Hình thức** | **Giỏi – Xuất sắc**  **(8,5-10)** | **Khá**  **(7,0-8,4)** | **Trung bình**  **(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu**  **(4,0-5,4)** | **Kém**  **<4,0** |
| **Bài kiểm tra số 1** | | | | | | |
| Nội dung chương 1 | Tự luận | Hiểu >85% kiến thức của chương 1 Vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1 Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1 Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1  Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của chương 1  Chưa có khả năng vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi. |
| **Bài thi giữa học phần** | | | | | | |
| Nội dung chương 1 và chương 2 | Tự luận | Hiểu >85% kiến thức của chương 1,2  Vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1,2  Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để làm kiểm tra. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1,2  Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1,2  Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của chương 1,2  Chưa có khả năng vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi. |
| **Bài kiểm tra số 2** | | | | | | |
| Nội dung chương 2, chương 3 | Tự luận | Hiểu >85% kiến thức của chương 2,3 Vận dụng được kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 2,3 Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 2,3 Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 2,3.  Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của chương 2,3  Chưa có khả năng vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi. |

***Bảng 2.3. Đánh giá bài thi kết thúc học phần***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Hình thức** | **Giỏi – Xuất sắc**  **(8,5-10)** | **Khá**  **(7,0-8,4)** | **Trung bình**  **(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu**  **(4,0-5,4)** | **Kém**  **<4,0** |
| Nội dung chương 1, 2, 3 | Tự luận | Hiểu >85% kiến thức của chương 1,2,3  Vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1,2,3  Có khả năng vận dụng 80% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1,2,3  Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1,2,3  Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của chương 1,2,3 Chưa có khả năng vận dụng kiến thức của môn để trả lời câu hỏi |

**11. Nội dung chi tiết học phần**

***11.1. Nội dụng về lý thuyết và thảo luận: 23tiết***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Chương 1. Những vấn đề cơ bản về dịch vụ công**  (Tổng số: 7. Trong đó lý thuyết: 6, thảo luận: 1) |
| 1.1  *1.1.1*  *1.1.2*  *1.1.3*  *1.1.4* | Dịch vụ công  *Khái niệm dịch vụ công*  *Đặc trưng dịch vụ công*  *Phân loại dịch vụ công*  *Các đặc điểm của dịch vụ công* |
| 1.2  *1.2.1*  *1.2.2* | Dịch vụ hành chính công  *Khái niệm dịch vụ hành chính công*  *Đặc trưng dịch vụ hành chính công* |
| 1.3  *1.3.1*  *1.3.2*  *1.3.3*  *1.3.4* | Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công  *Khái niệm Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công*  *Nguyên tắcQuản lý Nhà nước đối với dịch vụ công*  *Nội dungQuản lý Nhà nước đối với dịch vụ công*  *Công cụQuản lý Nhà nước đối với dịch vụ công* |
| 1.4  *1.4.1*  *1.4.2* | Quản lý và tổ chức hoạt động dịch vụ công  *Các phương thức cung ứng dịch vụ công*  *Xã hội hóa dịch vụ công* |
| 1.5  *1.5.1*  *1.5.2* | Đổi mới quản lý và tổ chức cung ứng dịch vụ công  *Quan điểm và phương hướng đổi mới*  *Các giải pháp hoàn thiện* |
|  | **Bài kiểm tra số 1** |
|  | **Chương 2. Dịch vụ công về đất đai**  (Tổng số: 8. Trong đó lý thuyết: 07, thảo luận: 1) |
| 2.1  *2.1.1*  *2.1.2* | Khái niệm, đặc trưng dịch vụ công về đất đai  *Khái niệm dịch vụ công về đất đai*  *Đặc trưng dịch vụ công về đất đai* |
| 2.2  *2.2.1*  *2.2.2*  *2.2.3* | Các hoạt động dịch vụ công về đất đai  *Nguyên tắc tổ chức hoạt động dịch vụ công về đất đai*  *Các loại hoạt động dịch vụ công về đất đai*  *Tổ chức hoạt động dịch vụ công về đất đai* |
| 2.3  *2.3.1*  *2.3.2* | Phương thức khai thác dịch vụ công về đất đai  *Các mô hình cung ứng dịch vụ công về đất đai*  *Phương thức khai thác dịch vụ công về đất đai* |
|  | **Bài thi giữa học phần** |
|  | **Chương 3. Tổ chức hoạt động dịch vụ công về đất đai**  (Tổng số: 8. Trong đó lý thuyết: 7, thảo luận: 7) |
| 3.1  *3.1.1*  *3.1.2*  *3.1.3* | Văn phòng đăng ký đất đai  *Chức năng*  *Nhiệm vụ, quyền hạn*  *Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động* |
| 3.2  *3.2.1*  *3.2.2*  *3.2.3* | Tổ chức phát triển quỹ đất  *Chức năng*  *Nhiệm vụ, quyền hạn*  *Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động* |
| 3.3  *3.3.1*  *3.3.2*  *3.3.3*  *3.3.4* | Các tổ chức tư vấn  *Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*  *Tư vấn xác định giá đất*  *Tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra, đánh giá đất đai*  *Tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng hệ thống thông tin đất đai*  **Bài kiểm tra số 2** |

***11.2. Nội dung về thực hành, thí nghiệm (Tổng số giờ: 15 tiết)***

**Bài 1: Pháp luật về dịch vụ công ở Việt Nam hiện nay (Tổng số tiết: 05 tiết)**

1. ***Mục tiêu:***

Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tổ chức, hoạt động dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai.

***2. Nội dung***

- Thảo luận những quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến các hoạt động về dịch vụ công ở nước ta hiện nay: Đất đai, xây dựng, thuế, hạ tầng, kinh tế ...

*3. Địa điểm:* Giảng đường

***4. Dụng cụ trang thiết bị:*** phấn, bảng, máy tính xách tay, máy chiếu.

***5. Tổ chức thực hiện:***

- Giáo viên hướng dẫn sinh viên cách tra cứu, cách tìm hiểu vấn đề cần thiết phục vụ cho buổi thảo luận.

- Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ.

- Viết bài thu hoạch của nhóm.

***6. Đánh giá, cho điểm:***

- Các nhóm sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của bài tập.

- Sản phẩm giao nộp là bộ hồ sơ.

- Chấm điểm theo từng nhóm dựa trên kết quả bộ hồ sơ đã được lập.

**Bài 2: Đánh giá sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ hành chính công tại UBND huyện (Tổng số tiết: 05 tiết)**

1. ***Mục tiêu:***

Giúp sinh viên hiểu rõ hơn mức độ đánh giá của người dân đối với các hoạt động dịch vụ công để từ đưa ra giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công

***2. Nội dung***

- Phản hồi của người dân về dịch vụ công

- Đánh giá

- Giải pháp hoàn thiện dịch vụ công

***3. Địa điểm***: Giảng đường

***4. Dụng cụ trang thiết bị***: phấn, bảng, máy tính xách tay, máy chiếu.

***5. Tổ chức thực hiện:***

- Giáo viên hướng dẫn sinh viên cách tra cứu, cách tìm hiểu vấn đề cần thiết phục vụ cho buổi thảo luận.

- Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ.

- Viết bài thu hoạch của nhóm.

***6. Đánh giá, cho điểm:***

- Các nhóm sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của bài tập.

- Sản phẩm giao nộp là bộ hồ sơ.

- Chấm điểm theo từng nhóm dựa trên kết quả bộ hồ sơ đã được lập

**Bài 3. Định hướng đổi mới và giải pháp nâng cao chất lượng quản lý dịch vụ công (Tổng số tiết: 05 tiết)**

1. ***Mục tiêu:***

Giúp sinh viên hiểu được vai trò, tầm quan trọng và nhận định được định hướng đổi mới trong tương lai của công tác dịch vụ công từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của dịch vụ công.

***2. Nội dung***

- Định hướng đổi mới

- Giải pháp nâng cao chất lượng quản lý dịch vụ công

***3. Địa điểm:*** Giảng đường

***4. Dụng cụ trang thiết bị***: phấn, bảng, máy tính xách tay, máy chiếu.

***5. Tổ chức thực hiện:***

- Giáo viên hướng dẫn sinh viên cách tra cứu, cách tìm hiểu vấn đề cần thiết phục vụ cho buổi thảo luận.

- Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ.

- Viết bài thu hoạch của nhóm.

***6. Đánh giá, cho điểm:***

- Các nhóm sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của bài tập.

- Sản phẩm giao nộp là bộ hồ sơ.

- Chấm điểm theo từng nhóm dựa trên kết quả bộ hồ sơ đã được lập

***11.3. Nội dung về bài tập lớn, tiểu luận:*** *Không*

**12. Thời gian phê duyệt đề cương học phần:** Ngày…..tháng…..năm 2020

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **GIẢNG VIÊN PHỤ TRÁCH**  **HỌC PHẦN**  **Ths. Lê Thị Hương Thúy** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Khương Mạnh Hà** | **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Văn Bài** |  |  |  |

# **PHỤ LỤC 1**

# **MÃ HÓA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CỦA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CTĐT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuẩn đầu ra học phần** | **Mức độ theo thang Bloom** | **Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT** |
| 1 | ***Chuẩn về kiến thức*** |  |  |
| LO1.1.Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, nội dung công cụ quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công, các phương thức cung ứng dịch vụ công. | 2 | CĐR7 |
| LO1.2. Nắm được khái niệm, đặc trưng, nguyên tác, cách thức tổ chức hoạt động, và phương thức khai thác dịch vụ công về đất đai | 2 | CĐR7 |
| LO1.3.Hiểu được nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan đơn vị có chức năng tổ chức cách hoạt động dịch vụ công về đất đai. | 2 | CĐR7 |
| 2 | ***Chuẩn về kỹ năng*** |  |  |
| LO2.1. Hiểu và nắm vững được quy trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; | 2 | CĐR11  CĐR14 |
| LO2.2. Xây dựng phương án điều tra, đánh giá đất đai, xác định giá đất; | 2 | CĐR11  CĐR14 |
| LO2.3. Nắm vững được trình tự, thủ tục kê khai, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. | 2 | CĐR11  CĐR14 |
| LO2.4. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm | 2 | CĐR11  CĐR14 |
| 3 | ***Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp*** |  |  |
| LO3.1: Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan chất lượng các hoạt động dịch vụ công. | 3 | CĐR15,CĐR16 |
| LO3.2: Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm trong quá trình thực hiện các hoạt động dịch vụ công nảy sinh trong thực tiễn một cách hiệu quả. | 3 | CĐR15, CĐR16 |

**PHỤ LỤC 2**

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN**

1. **Mục tiêu học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (Gx)** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT (X.x.x)** |
| G1 | Học phần trang bị những kiến thức cơ bản dịch vụ công nói chung và dịch vụ công về đất đai nói riêng, các hoạt động dịch vụ công về đất đai và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thực hiện dịch vụ công về đất đai. | CĐR7 |
| G2 | Vận dụng kiến thức pháp luật để thực hiện các quy trình cung cấp các dịch vụ công: lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xác định giá đất, điều tra, đánh giá đất đai, xây dựng hệ thống thông tin đất đai, thực hiện thành thạo công tác kê khai, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. | CĐR11  CĐR14 |
| G3 | Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến các hoạt động trong dịch vụ công | CĐR15 CĐR16 |

*.*

1. **Chuẩn đầu ra học phần**

| **Mã CĐR** | **Mô tả CĐR học phần**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* | **Liên kết với**  **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **LO.1** | **Chuẩn về kiến thức** |  |
| *LO.1.1* | Hiểu được cách thức tổ chức, nguyên tắc hoạt động, mô hình cung ứng, phương thức khai thác dịch vụ công. | CĐR7 |
| *LO.1.2* | Nắm được khái niệm, đặc trưng, nguyên tác, cách thức tổ chức hoạt động, và phương thức khai thác dịch vụ công về đất đai | CĐR7 |
| *LO.1.3* | Hiểu được nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan đơn vị có chức năng tổ chức cách hoạt động dịch vụ công về đất đai. |  |
| **LO.2** | **Chuẩn về kỹ năng** |  |
| *LO.2.1* | Hiểu và nắm vững được quy trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; | CĐR11  CĐR14 |
| *LO.2.2* | Xây dựng phương án điều tra, đánh giá đất đai, xác định giá đất; | CĐR11 CĐR14 |
| *LO.2.3* | Nắm vững được trình tự, thủ tục kê khai, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. | CĐR11  CĐR14 |
| *LO.2.4* | Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm | CĐR11 CĐR14 |
| **LO.3.** | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp** |  |
| *LO.3.1* | Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan chất lượng các hoạt động dịch vụ công. | CĐR15  CĐR16 |
| *LO.3.2* | Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm trong quá trình thực hiện các hoạt động dịch vụ công nảy sinh trong thực tiễn một cách hiệu quả. | CĐR15  CĐR16 |

**PHỤ LỤC 3**

**NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN**

| **Tuần**  **thứ** | **Nội dung** | **Hoạt động dạy và học** | **Số tiết LT/TH** | **Tài liệu**  **học tập,**  **tham khảo** | **CĐR**  **học**  **phần** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Chương 1. Những vấn đề cơ bản về dịch vụ công**  1.1 Dịch vụ công  *1.1.1. Khái niệm dịch vụ công*  *1.1.2. Đặc trưng dịch vụ công*  *1.1.3. Phân loại dịch vụ công*  *1.1.4. Các đặc điểm của dịch vụ công*  1.2. Dịch vụ hành chính công  *1.2.1. Khái niệm dịch vụ hành chính công*  *1.2.2. Đặc trưng dịch vụ hành chính công*  1.3. Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công  *1.3.1. Khái niệm Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công*  *1.3.2. Nguyên tắc Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công*  *1.3.3. Nội dung Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công*  *1.3.4. Công cụ Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công*  1.4. Quản lý và tổ chức hoạt động dịch vụ công  *1.4.1. Các phương thức cung ứng dịch vụ công*  *1.4.2. Xã hội hóa dịch vụ công*  1.5. Đổi mới quản lý và tổ chức cung ứng dịch vụ công  *1.5.1. Quan điểm và phương hướng đổi mới*  *1.5.2. Các giải pháp hoàn thiện*  **Bài kiểm tra số 1** | Giảng viên:   * Giới thiệu học phần, đề cương chi tiết, TL học tập, TL tham khảo, qui định thi, kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn kế hoạch học tập; xây dựng các nhóm học tập. * Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV * Giao nhiệm vụ thảo luận   Sinh viên:  - Lắng nghe, ghi nhớ, chép bài;  - Đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên về nội dung bài học.   * láng * Chuẩn bị trả n | **7** | 1],[2]  [3],[4]  [5],[6] | LO.1.1  LO2.1  LO2.4  LO3.1  LO3.2 |
| 2 | **Chương 2. Dịch vụ công về đất đai**  2.1. Khái niệm, đặc trưng dịch vụ công về đất đai  *2.1.1. Khái niệm dịch vụ công về đất đai*  *2.1.2. Đặc trưng dịch vụ công về đất đai*  2.2. Các hoạt động dịch vụ công về đất đai  *2.2.1. Nguyên tắc tổ chức hoạt động dịch vụ công về đất đai*  *2.2.2. Các loại hoạt động dịch vụ công về đất đai*  *2.2.3. Tổ chức hoạt động dịch vụ công về đất đai*  2.3. Phương thức khai thác dịch vụ công về đất đai  *2.3.1. Các mô hình cung ứng dịch vụ công về đất đai*  *2.3.2. Phương thức khai thác dịch vụ công về đất đai*  **Bài thi giữa học phần** | Giảng viên:   * Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV * Giao nhiệm vụ thảo luận   Sinh viên:   * Nghiên cứu TL học tập và tham khảo   Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn | **8** | 1],[2]  [3],[4]  [5],[6] | LO1.2  LO2.2  LO2.4  LO3.1  LO3.2 |
| 5 | **Chương 3. Tổ chức hoạt động dịch vụ công về đất đai**  3.1. Văn phòng đăng ký đất đai  *3.1.1. Chức năng*  *3.1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn*  *3.1.3. Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động*  3.2. Tổ chức phát triển quỹ đất  *3.2.1. Chức năng*  *3.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn*  *3.2.3. Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động*  3.3. Các tổ chức tư vấn  *3.3.1. Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*  *3.3.2. Tư vấn xác định giá đất*  *3.3.3. Tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra, đánh giá đất đai*  *3.3.4. Tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng hệ thống thông tin đất đai*  **Bài kiểm tra số 2** | **Giảng viên:**   * Thuyết giảng và giải thích nội dung của chương * Phát vấn * Trả lời các câu hỏi của SV * Giao nhiệm vụ thảo luận   **Sinh viên**:   * Nghiên cứu TL học tập và tham khảo   Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn, làm bài tập | **8** | [1],[2]  [3],[4]  [5],[6] | LO1.3  LO2.3  LO2.4  LO3.1  LO3.2 |
| **PHẦN THẢO LUẬN** | | | | | |
|  | **Bài 1: *Pháp luật về dịch vụ công ở Việt Nam hiện nay*** Nội dung:  - Thảo luận những quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến các hoạt động về dịch vụ công ở nước ta hiện nay: Đất đai, xây dựng, thuế, hạ tầng, kinh tế ... | Giảng viên:  - Hướng dẫn nội dung của bài thực hành  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ thực hành. Đánh giá kết quả.  Sinh viên:  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị nội dung và thực hiện các nhiệm vụ được giao.  - Làm và nộp kết quả bài thực hành. | **05** | [1],[2]  [3],[4]  [5],[6] | LO2.1  LO2.2  LO2.3  LO2.4  LO3.1  LO3.2 |
|  | **Bài 2: *Đánh giá sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ hành chính công tại UBND huyện***  Nội dung:  - Phản hồi của người dân về dịch vụ công  - Đánh giá  - Giải pháp hoàn thiện dịch vụ công | Giảng viên:  - Thuyết giảng và hướng dẫn nội dung của bài thực hành  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ thực hành. Đánh giá kết quả.  Sinh viên:  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị nội dung và thực hiện các nhiệm vụ được giao.  - Làm và nộp kết quả bài thực hành. | **05** | [1],[2]  [3],[4]  [5],[6] | LO2.1  LO2.2  LO2.3  LO2.4  LO3.1  LO3.2 |
|  | **Bài 3**. ***Định hướng đổi mới và giải pháp nâng cao chất lượng quản lý dịch vụ công*** Nội dung  - Định hướng đổi mới  - Giải pháp nâng cao chất lượng quản lý dịch vụ công | Giảng viên:  - Thuyết giảng và hướng dẫn nội dung của bài thực hành  - Giao nhiệm vụ thực hành. Đánh giá kết quả.  Sinh viên:  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị nội dung và thực hiện các nhiệm vụ được giao.  - Làm và nộp kết quả bài thực hành. | **05** | [1],[2]  [3],[4]  [5],[6] | LO2.1  LO2.2  LO2.3  LO2.4  LO3.1  LO3.2 |

**PHỤ LỤC 4**

**PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần**  **(Tỷ lệ %)** | **Quy định** | **Chuẩn đầu ra học phần** | | | | | | | |
| LO.1.1 | LO.1.2 | LO.2.1 | LO.2.2 | LO.2.3 | LO.2.4 | LO.3.1 | LO.3.2 |
| 1 | Điểm quá trình (50%) | 1. Kiểm tra định kỳ lần 1  + Hình thức: *Tự luận*  + Thời điểm: tuần 4  *+* Hệ số: 1 | X | X |  |  |  |  | X | X |
| 2. Kiểm tra giữa học học phần  + Hình thức: *Tự luận*  + Thời điểm: Tuần 8  *+* Hệ số: *1* |  |  | X | X | X | X | X | X |
| 3. Kiểm tra định kỳ lần 3  + Hình thức: *Tự luận*  + Thời điểm: Tuần 12  *+* Hệ số: *1* |  |  |  | X | X | X | X | X |
| 4. Kiểm tra chuyên cần  + Hình thức: *Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp*  + Hệ số: 1 |  | X | X | X | X | X | X | X |
| 2 | Điểm thi kết thúc học phần (50%) | + Hình thức: *Tự luận*  + Thời điểm: *Theo lịch thi học kỳ*  + Tính chất: *Bắt buộc* | X | X | X | X | X | X | X | X |